

UBND PHƯỜNG ĐỒNG HỚI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 299 /BQL

Đồng Hới, ngày 14 tháng 9 năm 2026

Về việc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do GPMB dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị)

Kính gửi: UBND phường Đồng Hới.

Căn cứ Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị Thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về Quyết định chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500;

Chữ ký

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 5600/SNNMT-QLĐĐ ngày 25/06/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị V/v hướng dẫn công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực đất đai được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Thông báo số 4245/TB-UBND ngày 19/11/2025 của UBND phường Đồng Hới về vi thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị) (đợt 1);

Căn cứ thống kê kết quả chỉnh lý địa chính (phục vụ thu hồi đất) tại phường Đức Ninh Đông (cũ) tờ số 7, 8, 9 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập ngày 25/6/2025, được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 27/6/2025;

Căn cứ Công văn số 343/UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của UBND phường Đức Ninh Đông (cũ) về việc xác nhận thông tin các thửa đất trích đo thu hồi đất xây dựng dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi;

Căn cứ Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24 tháng 6 năm 2026 của UBND phường Đồng Hới về việc xác nhận các nội dung thu hồi đất để GPMB dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi;

Căn cứ Công văn số 22/CAP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Công an phường Đồng Hới về việc xác nhận thông tin các thành viên trong hộ gia đình có đất bị thu hồi;

Căn cứ Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị về việc cung cấp số liệu năng suất cây lúa;

Căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới;

Căn cứ Công văn số 976/CNVPĐKĐĐ ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực VI về việc cung cấp thông tin phí, lệ phí;

Căn cứ Công văn số 1285/BQL ngày 13/7/2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới về việc công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị);

Căn cứ Biên bản ngày 31/7/2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới về việc lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do GPMB thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị);

Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường GPMB và các hồ sơ liên quan.

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng phường Đồng Hới lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị) (phương án dự kiến kèm theo).

Để thực hiện đúng quy trình theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội, hoàn thiện phương án bồi thường đúng chính sách chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng phường Đồng Hới đề nghị UBND phường Đồng Hới thông báo công khai cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân về phương án bồi thường, hỗ trợ.

Thời gian niêm yết công khai: 10 ngày, từ ngày 14/9/2026 đến hết ngày 23/9/2026.

Đan

Địa điểm niêm yết công khai: Trụ sở UBND phường Đồng Hới, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi và gửi trực tiếp đến đối tượng bị ảnh hưởng.

Các kiến nghị, đề xuất của hộ gia đình bị ảnh hưởng gửi trực tiếp cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Đồng Hới (đồng chí Lê Thị Hương Lan - Sđt: 0888.678.896) chậm nhất đến ngày **23/9/2026**. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Đồng Hới sẽ tiến hành kiểm tra, hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình UBND phường Đồng Hới thẩm định phê duyệt theo quy định.

Để việc bồi thường GPMB thực hiện đúng tiến độ, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Đồng Hới đề nghị UBND phường Đồng Hới quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HGD, CN bị ảnh hưởng;
- Lưu: GPMB, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Hương Giang

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
Dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị)
(Kèm theo Công văn số: 299 /BQL ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD phường Đồng Hới)

I/ CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định về bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường tài sản và mức bồi thường chi phí di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; mức bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất gây khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;
- Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị Thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình v/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Đồng Hới;
- Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực đất đai được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;
- Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về Quyết định chấp thuận nhà đầu tư;
- Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500;
- Căn cứ Công văn số 5600/SNNMT-QLĐĐ ngày 25/06/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị V/v hướng dẫn công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Thông báo số 4245/TB-UBND ngày 19/11/2025 của UBND phường Đồng Hới về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (đợt 1);
- Căn cứ thông kê kết quả chỉnh lý địa chính (phục vụ thu hồi đất) tại phường Đức Ninh Đông (cũ) tờ số 7, 8, 9 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập ngày 25/6/2025, được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 27/6/2025;
- Căn cứ Công văn số 343/UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của UBND phường Đức Ninh Đông (cũ) về việc xác nhận thông tin các thửa đất trích đo thu hồi đất xây dựng dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi;
- Căn cứ Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24 tháng 6 năm 2026 của UBND phường Đồng Hới về việc xác nhận các nội dung thu hồi đất để GPMB dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi;
- Căn cứ Công văn số 22/CAP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Công an phường Đồng Hới về việc xác nhận thông tin các thành viên trong hộ gia đình có đất bị thu hồi;
- Căn cứ Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị về việc cung cấp số liệu năng suất cây lúa;

- Căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới
- Căn cứ Công văn số 976/CNV/PĐKĐĐ ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực VI về việc cung cấp thông tin phí, lệ phí;
- Căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 03 ngày 12/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới;
- Căn cứ Biên bản về việc lấy ý kiến về phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ gia đình có đất thu hồi để GPMB thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị) ngày 10/12/2025 (các hộ, cá nhân thuộc phường Đức Ninh Đông cũ);
- Căn cứ biên bản kiểm kê khối lượng tài sản bị ảnh hưởng do GPMB và các hồ sơ liên quan.

II/ NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:

1/ Tổng diện tích đất thu hồi:	27.118,0 m ²
Trong đó:	
+ Đất trồng lúa (LUC):	27.118,0 m ²
2/ Tổng số người có đất thu hồi: 47 hộ gia đình, cá nhân.	
3/ Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng tiền.	
4/ Phương án bố trí tái định cư: Không.	
5/ Phương án di dời mồ mã trong phạm vi đất đất thu hồi: Không.	
6/ Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.	11.674.859.000 đồng
7/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	
a/ Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:	11.674.859.000 đồng
- Bồi thường về đất:	1.527.019.000 đồng
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:	150.741.000 đồng
- Các khoản hỗ trợ khác:	9.997.099.000 đồng
b/ Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện BT, HT, TĐC:	0 đồng

8/ Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND phường Đồng Hới.
- Thời gian nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Ban QLDA ĐTXD phường Đồng Hới có thông báo chi trả tiền lần đầu.

(Handwritten signatures and initials)

9/ Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
1	Hộ bà: Bùi Thị Chi - CCCD: 044149002890 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Nam cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SDT:			Làm tròn đến hàng nghìn				34.933.000	3.448.000	207.526.000	245.907.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								34.932.800	3.448.454	207.525.734		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>34.932.800</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 15, tờ BD số 7	m ²	623,80	56.000				34.932.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 15, TĐĐ số 7: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 26/5/2008, thuộc thửa đất số 14, TĐĐ số 9, diện tích 609,0 m ² . Phần diện tích đất tăng 14,8 m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Dù điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024. Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hằng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 623,8 m ² = 366,86 kg	kg	366,86		9.400				3.448.454			ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										207.525.734	
	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 623,8 m ² = 366,86 kg	kg	366,86			9.400			3.448.454			ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	8,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 45,72% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 08 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	1.440,0			18.000				25.920.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 45,72% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											

(Chữ ký và dấu)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	623,8			280.000				174.664.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	623,8			5.600				3.493.280	
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
2	Họ: Trần Hải Hưng, CCCD: 044059004758 - Hoàng Thị Dung, CCCD: 044161000667 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Đức Trường cũ) - Nơi ở hiện nay: Số 22, Ngõ 70 Ngõ Đức Kế, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0918465954			Làm tròn đến hàng nghìn			29.551.000	2.917.000	177.928.000	210.396.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								29.551.200	2.917.199	177.928.319	

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>29.551.200</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 164-1, tờ BĐ số 8	m ²	229,30	56.000				12.840.800				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 164-2, tờ BĐ số 8	m ²	298,40	56.000				16.710.400				
	Tổng diện tích thu hồi		527,70									
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 164-1 và 164-2, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 03/6/2008, thuộc thửa đất số 145, TĐĐ số 9, diện tích 507,0 m². Phần diện tích đất tăng 20,7m² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024. Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>										<u>2.917.199</u>	

Đu

W

W

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881kg/m ² * 527,7 m ² = 310,34 kg	kg	310,34		9.400			2.917.199			ĐG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024										
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cấy lúa										
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										
	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 527,7 m ² = 310,34 kg	kg	310,34			9.400			2.917.199		ĐG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	9,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 24,12 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 09 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 5 tháng x đơn giá gạo	kg	1.350,0			18.000			24.300.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 24,12% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/202 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	527,7			280.000			147.756.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	527,7			5.600				2.955.120		
(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
3	Họ: Hoàng Văn Thoảng, CCCD: 044064008417 - Bùi Thị Liên, CCCD: 044164002310 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Đức Trường cũ) - Nơi ở hiện nay: Số 41 Ngõ Đức Ké, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0988199973			Làm tròn đến hàng nghìn				862.000	85.000	14.508.000	15.455.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								862.400	85.133	14.507.753		
A	Bồi thường về đất							<u>862.400</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 213-1, tờ BĐ số 8	m ²	15,40	56.000				862.400				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 213-1, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 03/6/2008, thuộc thửa đất số 194, TĐĐ số 9, diện tích 488,0 m ² . Phần diện tích tăng 15,1m ² so với GCN là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											

Handwritten signature

Handwritten signature

Handwritten signature

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024. Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị; thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trống cây hằng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
B	Bồi thường tài sản trên đất											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 15,4 m ² = 9,06 kg	kg	9,06		9.400				85.133			ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	Các khoản hỗ trợ											
	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 15,4 m ² = 9,06 kg	kg	9,06			9.400				85.133		ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 0,83% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 3 tháng x đơn giá gạo	kg	540,0			18.000				9.720.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 0,83% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/202 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	15,4			280.000				4.312.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	15,4			5.600				86.240		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,00			304.380						304.380		
	(Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)													
	(Đơn giá căn cứ CV số 976/CNVPĐKĐD ngày 27/8/2026 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực VI)													
4	Hộ: Hoàng Thị Tươi, CCCD: 044168001864 - Đoàn Văn Chương, CCCD: 044063009597			Làm tròn đến hàng nghìn						27.429.000	2.708.000	615.178.000	645.315.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
	- Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Đức Trường cũ)									27.428.800	2.707.683	615.177.563		
	- Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị													
	- SĐT: 0837794386													
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>									<u>27.428.800</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 167, tờ BD số 8	m ²	489,80	56.000						27.428.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 167, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 03/6/2008, thuộc thửa đất số 142, TĐĐ số 9, diện tích 461,0 m². Phần diện tích đất tăng 28,8m² so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.													
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024 Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.													

TT	Họ và tên Danhs mvc bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đon giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đon giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đông Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000 đ/m² x 1,0 = 56.000 đ/m².											
B	Bồi thường tài sản trên đất											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 15,4 m ² = 288,05 kg	kg	288,05		9.400				2.707.683			ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	Các khoản hỗ trợ										615.177.563	
	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 15,4 m ² = 288,05 kg	kg	288,05				9.400				2.707.683	ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 39,23% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	1.080,0				18.000				19.440.000	
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 39,23% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đông Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo cần cử phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đông Hới											

TT	Họ và tên Dan mục bồi thường, hỗ trợ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	489,8			280.000						137.144.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)													
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	489,8			5.600						2.742.880		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)													
5	Họ: Bùi Thanh Do, CCCD: 044168001864 - Nguyễn Thị Xuê, CCCD: 044063009597 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: số 3, Ngõ 175, Nguyễn Văn Cừ, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0982.220420			Làm tròn đến hàng nghìn					78.439.000	7.743.000	453.143.000	539.325.000		
									78.439.200	7.743.266	453.143.186			Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025

TT	Họ và tên Danhs mvc bci thuong, hoi tro	Dvt	Khoi luong	Don gia (dong)			Muc hoi tro (%)	Thanh tien (dong)			Tong gia tri bci thuong, hoi tro	Ghi chu
				Dat	Tai san tren dat	Hoi tro		Dat	Tai san tren dat	Hoi tro		
A	Bai thuong ve dat							78.439.200				
-	Dat trong lua (LUC), thua dat so 88-1, to BD so 8	m ²	1.374,00	56.000				76.944.000				
-	Dat trong lua (LUC), thua dat so 88-2, to BD so 8	m ²	26,70	56.000				1.495.200				
	Tong dien tich thu hoi		1.400,70									
	Nguyen goc su dung dat cua thua dat so 88-1 va 88-2, TBĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đông Hoi cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 78, TBĐ số 9, diện tích 1.376,0 m². Phần diện tích đất tăng 24,7m² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đông Hoi xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026. Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đông Hoi, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².											
B	Bai thuong tai san tren dat								7.743.266			
-	Bai thuong 01 vu lua. San luong lua: 0,5881 kg/m ² * 1.400,7 m ² = 823,75 kg	kg	823,75			9.400			7.743.266			ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024										
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m2 theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa										
C	Các khoản hỗ trợ										
	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m² * 1.400,7 m² = 823,75 kg	kg	823,75			9.400			453.143.186		ĐG Sht 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	7,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 97,03% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 07 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	2.520,0			18.000			45.360.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 97,03% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	1.400,7			280.000			392.196.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										

UBND phường
Đồng Hới xác
nhận tại Công
văn số
3458/UBND-
KTHTĐT ngày
24/6/2026

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 10\% = 5.600\text{đ}/\text{m}^2$	m^2	1.400,7			5.600				7.843.920		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
6	Họ: Bùi Minh Tiếp, CCCD: 044075002963 - Hoàng Thị Nga, CCCD: 044181001711 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0886.731431			Làm tròn đến hàng nghìn				1.417.000	140.000	19.010.000	20.567.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								1.416.800	139.862	19.009.922		
A	<u>Bồi thường về đất</u>							1.416.800				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 118-1, tờ BĐ số 8	m^2	25,30	56.000				1.416.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 118-1, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 288, TĐĐ số 9, diện tích 393,0m ² . Phán diện tích tăng 1,5m ² so với GCN là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											





TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Dù điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².											
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 25,3 m ² = 14,88 kg	kg	14,88		9.400				139.862			ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 25,3 m ² = 14,88 kg	kg	14,88		9.400				139.862			ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	7,0									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 4,93% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 07 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 3 tháng x đơn giá gạo	kg	630,0			18.000				11.340.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 4,93% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/202 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	25,3			280.000				7.084.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	25,3			5.600				141.680		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,00			304.380				304.380		
	(Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	(Đơn giá căn cứ CV số 976/CNVPĐKĐD ngày 27/8/2026 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Khu vực VI)											
	Hộ bà: Hoàng Thị Hò, CCCD: 044150000843			Làm tròn đến hàng nghìn			27.423.000	2.707.000	175.270.000	205.400.000		
7	- Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thương cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị, - SĐT:						27.423.200	2.707.130	175.269.830			Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
4	<u>Bồi thường về đất</u>						<u>27.423.200</u>					
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 116-1, tờ BD số 8	m ²	489,70	56.000			27.423.200					
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 116-1, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 100, TBD số 9, diện tích 1.150,0m2. diện tích tăng 2,1m2 so với GCN là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
B	Bồi thường tài sản trên đất								2.707.130			ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 489,7 m ² = 287,99 kg	kg	287,99		9.400				2.707.130			
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	Các khoản hỗ trợ								175.269.830			
	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881kg/m ² * 489,7 m ² = 287,99 kg	kg	287,99			9.400			2.707.130			ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	10,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 32,24 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 10 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	1.800,0			18.000			32.400.000			
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 32,24% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
	Giá gao căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trongbảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/ND-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²		489,7 m²			280.000			137.116.000		UBND phường Đông Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/ND-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/ND-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²		489,7 m²			5.600			2.742.320		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/ND-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,00			304.380			304.380		
	(Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	(Đơn giá căn cứ CV số 976/CNVPĐKĐĐ ngày 27/8/2026 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực VI)										



TT	Họ và tên Danhs mvc bồi thường, hũ trợ	Đvt	Khối lượng	Đon giá (đồng)			Mức hũ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hũ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hũ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hũ trợ		
8	Hệ: Hoàng Văn Phiệt, CCCD: 044066009558 - Bùi Thị Thúy, CCCD: 044166004251 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0796.066424			Làm tròn đến hàng nghìn				45.713.000	4.513.000	283.008.000	333.234.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								45.712.800	4.512.621	283.007.901		
A	<u>Bồi thường về đất</u>							45.712.800				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 125-1, tờ BĐ số 8	m²	748,30	56.000				41.904.800				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 125-2, tờ BĐ số 8	m²	68,00	56.000				3.808.000				
	Tổng diện tích thu hồi		816,30									
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 125-1 và 125-2, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 102, TĐĐ số 9, diện tích 815,0 m². Phân diện tích đất tăng 1,3m² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{vyt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{vyt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 816,3 m ² = 480,07 kg	kg	480,07		9.400				4.512.621			ĐG Sst 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 816,3 m ² = 480,07 kg	kg	480,07			9.400			4.512.621			ĐG Sst 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	7.0									
	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 73,32 % diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 7 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	2.520,0			18.000			45.360.000			
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 73,32% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/ND-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	816,3			280.000				228.564.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	816,3			5.600				4.571.280		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
9	Họ: Hoàng Khánh Khương, CCCD: 044058000239 - Bùi Thị Kiều, CCCD: 044159000641 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông cũ, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0343.662558			Làm tròn đến hàng nghìn				50.574.000	4.992.000	292.078.000	347.644.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>50.573.600</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 50, tờ BD số 8	m ²	903,10	56.000				50.573.600				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 50, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 48, TBD số 9, diện tích 892m ² . Phần diện tích đất tăng 11,1m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đu điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hằng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>4.992.463</u>			
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 903,1 m ² = 531,11 kg	kg	531,11	9.400					4.992.463			ĐG Slt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² = theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										<u>292.077.823</u>	

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 903,1 m ² = 531,11 kg	kg	531,11			9.400				4.992.463		ĐG Slt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	9,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 46,65% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 09 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	1.620,0			18.000				29.160.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 46,65% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	903,1			280.000				252.868.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	903,1			5.600				5.057.360		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
10	Hộ: Bùi Sỹ Quang, CCCD: 044057001653 - Nguyễn Thị Tân, CCCD: 044159000165 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Trung cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SDT: 0347.699585			Làm tròn đến hàng nghìn				3.125.000	308.000	27.889.000	31.322.000	
								3.124.800	308.470	27.889.330		Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
4	<u>Bồi thường về đất</u>							3.124.800				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 163-1, tờ BD số 8	m²	55,80	56.000				3.124.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 163-1, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 03/6/2008, thuộc thửa đất số 146, TĐĐ số 9, diện tích 600m². Phần diện tích tăng 18,2m² so với GCN là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ			
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.												
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .												
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>												ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 55,8 m ² = 32,82 kg	kg	32,82			9.400				308.470			
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024												
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa												
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										27.889.330		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 55,8 m ² = 32,82 kg	kg	32,82				9.400				308.470		ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	7,0										

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 3,5% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 07 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 3 tháng x đơn giá gạo	kg	630,0			18.000				11.340.000	
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 3,50% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/202 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²		55,8			280.000				15.624.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²		55,8			5.600				312.480	
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,00			304.380				304.380		
	(Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	(Đơn giá căn cứ CV số 976/CNVPĐKĐĐ ngày 27/8/2026 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực VI)											
				Lâm trồn đến hàng nghìn				50.714.000	5.006.000	299.286.000	355.006.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
11	Họ:Trần Hải Lý, CCCD: 044055005764 - Hoàng Thị Hiền, CCCD: 044159006996 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Trung cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0388.711989							50.713.600	5.006.284	299.285.644		
A	<u>Bồi thường về đất</u>							50.713.600				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 165-1, tờ BĐ số 8	m ²	768,70	56.000				43.047.200				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 165-2, tờ BĐ số 8	m ²	136,90	56.000				7.666.400				
	Tổng diện tích thu hồi		905,60									
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 165-1 và 165-2, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 03/6/2008, thuộc thửa đất số 144, TĐĐ số 9, diện tích 900m ² . Phần diện tích đất tăng 5,6m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											

Handwritten signature

Handwritten signature

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{kyt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{kyt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>5.006.284</u>			
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 905,6 m ² = 532,58 kg	kg	532,58		9.400				5.006.284			ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NN/XH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị Văn cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									<u>299.285.644</u>		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5854 kg/m ² * 905,6 m ² = 532,58 kg	kg	532,58			9.400				5.006.284		ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	11,0									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 45,40% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 11 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	1.980,0			18.000				35.640.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 45,40% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3454/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	905,6			280.000				253.568.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	905,6			5.600				5.071.360		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
12	Họ: Bùi Văn Cường, CCCD: 044072003131 - Phạm Thị Thiết, CCCD: 044174002798 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Trung cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT:			Làm tròn đến hàng nghìn				3.870.000	382.000	35.541.000	39.793.000	Thông báo số 4342/TB-UBND ngày 19/11/2025
								3.869.600	381.994	35.541.334		
<u>4</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>3.869.600</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 186-1, tờ BD số 8	m ²	69,10	56.000				3.869.600				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 186-1, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 03/6/2008, thuộc thửa đất số 161, TBD số 9, diện tích 483m ² . Phần diện tích tăng 5,2m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất		Đất	Tài sản trên đất		
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới									
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trongbảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	69,1			280.000			19.348.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)									
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	69,1			5.600			386.960	
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)									
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,00			304.380			304.380	
	(Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)									
	(Đơn giá căn cứ CV số 976/CNVPĐKĐĐ ngày 27/8/2026 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực VI)									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².										
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>381.994</u>		
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 69,1 m ² = 40,64 kg	kg	40,64		9.400				381.994		ĐG Sst 1, Mức A, PL IQĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024										
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa										
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>								<u>35.541.334</u>		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5186 kg/m ² * 69,1 m ² = 40,64 kg	kg	40,64			9.400			381.994		ĐG Sst 1, Mức A, PL IQĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	7,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 12,06% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 07 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 4 tháng x đơn giá gạo	kg	840,0			18.000			15.120.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 12,06% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/202 của UBND tỉnh Quảng Trị)										





TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
13	Họ: Bùi Văn Sôi (chết) - Hoàng Thị Viên, CCCD: 044159001398 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Trung cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0988.160629			Làm tròn đến hàng nghìn				35.862.000	3.540.000	225.318.000	264.720.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
A	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>35.862.400</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 185-1, tờ BĐ số 8	m ²	352,90	56.000				19.762.400				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 185-2, tờ BĐ số 8	m ²	287,50	56.000				16.100.000				
	Tổng diện tích thu hồi			640,40								
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 185-1 và 185-2, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 03/6/2008, thuộc thửa đất số 162, TĐĐ số 9, diện tích 634m2. Phần diện tích đất tăng 6,4m2 so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

Handwritten signatures and initials in blue ink.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{kyt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{kyt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>									3.540.221		
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 640,4 m ² = 376,62 kg	kg	376,62		9.400					3.540.221		ĐG St 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									225.318.461		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 640,4 m ² = 376,62 kg	kg	376,62			9.400				3.540.221		ĐG St 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0									
	Hồ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 86,51% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo											
		kg	2.160,0			18.000				38.880.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 86,51% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	640,4			280.000				179.312.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	640,4			5.600				3.586.240		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
14	Hệ: Hoàng Thị Chiến, CCCD: 044165001789 - Bùi Văn Táng (chết) - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TPD Diêm Bắc 2 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0799.036746			Làm tròn đến hàng nghìn				22.876.000	2.258.000	164.286.000	189.420.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>22.876.000</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 214-2-1, tờ BD số 8	m ²	363,90	56.000				20.378.400				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 214-2-2, tờ BD số 8	m ²	44,60	56.000				2.497.600				
	Tổng diện tích thu hồi		408,50									
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 214-2-1 và 214-2-2, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 15/5/2008, thuộc thửa đất số 196, TBD số 9, diện tích 980m². Phần diện tích tăng 26,9m² so với GCN là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 cho đến nay											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024 Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị; thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hằng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>2.258.245</u>			

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NB-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: $56.000đ/m^2 \times 10\% = 5.600đ/m^2$	m ²	408,5			5.600				2.287.600		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
15	Hộ bà: Hoàng Thị Chanh, CCCD: 044171006248 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 2 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0943.770651			Làm tròn đến hàng nghìn				19.326.000	1.908.000	113.428.000	134.662.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
4	<u>Bồi thường về đất</u>							19.325.600				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 8-1, tờ BD số 8	m ²	343.70	56.000				19.247.200				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 8-2, tờ BD số 8	m ²	1,40	56.000				78.400				
	Tổng diện tích thu hồi		345,10									
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 8-1 và 8-2, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 15/5/2008, thuộc thửa đất số 561, TBD số 10, diện tích 345m ² . Phần diện tích đất tăng 0,1m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026.											



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											ĐG Sit 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 345,1 m ² = 202,95 kg	kg	202,95		9.400				1.907.761			
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thông kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa								113.428.321			
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											ĐG Sit 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 345,1 m ² = 202,95 kg	kg	202,95				9.400		1.907.761			
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	2,0									

Đã

Handwritten signature

Handwritten signature

Handwritten signature

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hồ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 100% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 02 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	720,0			18.000			12.960.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 100% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hồ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	345,1			280.000			96.628.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	Hồ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	345,1			5.600			1.932.560		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Làm tròn đến hàng nghìn		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
16	Hồ: Bùi Văn Chính, CCCD: 044071002329 - Hoàng Thị Hương, CCCD: 044172010124 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 2 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0385.213645							18.922.000	1.868.000	137.252.000	158.042.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
A	<u>Bồi thường về đất</u>							18.922.400				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 31, tờ BĐ số 8	m ²	337,90	56.000				18.922.400				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 31, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 15/5/2008, thuộc thửa đất số 30, TĐĐ số 9, diện tích 337m ² . Phần diện tích đất tăng 0,9m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

Handwritten signature and initials in blue ink.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trống cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qk} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qk} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881kg/m ² * 337,9 m ² = 198,72 kg	kg	198,72		9.400				<u>1.867.959</u>			DG Slt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 337,9 m ² = 198,72 kg	kg	198,72			9.400				<u>137.252.199</u>		DG Slt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0									
	Hồ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 89,93% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo											
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 89,93% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											

[Handwritten signature]

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	337,9			280.000				94.612.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	337,9			5.600				1.892.240		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
17	Họ: Bùi Văn Lịch (chết) - Hoàng Thị Huệ, CCCD: 044134001741 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1) - Nơi ở hiện nay: Số 4, Ngõ 296 Nguyễn Văn Cừ, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0837.323917			Làm tròn đến hàng nghìn				34.490.000	3.405.000	198.746.000	236.641.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
A	Bồi thường về đất							34.490.400				

Handwritten signatures and initials:

Top right: *Handwritten signature*

Middle right: *Handwritten signature*

Bottom right: *Handwritten signature*

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 142-2, tờ ĐD số 8	m ²	615,90	56.000				34.490.400				
Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 142-2, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 133, TĐĐ số 9, diện tích 693m ² . Phần diện tích sai lệch so với GCN là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 cho đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.												
Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị; thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.												
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
B	Bồi thường tài sản trên đất											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881kg/m ² * 615,9 m ² = 362,21 kg	kg	362,21		9.400				3.404.781			ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	Các khoản hỗ trợ											
									198.745.821			

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 615,9 m ² = 362,21 kg	kg	362,21			9.400				3.404.781		ĐG Slt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	3,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 100% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 03 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	1.080,0			18.000				19.440.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 100% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	615,9			280.000				172.452.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026											
	của UBND tỉnh Quảng Trị)											

Handwritten signatures and initials in blue ink.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ			
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²		615,9 m²			5.600				3.449.040			
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
18	Họ: Hoàng Văn Sáu (chết) - Hoàng Thị Huệ, CCCD: 044147002369 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0763.087201			Làm tròn đến hàng nghìn				25.183.000	2.486.000	202.200.000	229.869.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025	
								25.183.200	2.486.005	202.200.325			
4	Bồi thường về đất									25.183.200			
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 45, tờ BD số 8	m²	449,70	56.000				25.183.200					
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 31, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 25/5/2008, thuộc thửa đất số 43, TBD số 9, diện tích 411m2. Phần diện tích đất tăng 38,7m2 so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026.												

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024 Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 449,7 m ² = 264,47 kg	kg	264,47			9.400				2.486.005		ĐG Slt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thông kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa									202.200.325		
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 449,7 m ² = 264,47 kg	kg	264,47				9.400			2.486.005		ĐG Slt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	11,0									

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hồ trợ ôn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 100% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 11 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	3.960,0			18.000				71.280.000	
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 100% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hồ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	449,7			280.000				125.916.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	Hồ trợ ôn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	449,7			5.600				2.518.320	
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
19	Họ: Mai Văn Nan, CCCD: 044054001365 - Nguyễn Thị Vườn, CCCD: 044158001508 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0915.862265			Làm tròn đến hàng nghìn				36.680.000	3.621.000	223.089.000	263.390.000	Thông báo số 4542/TB- UBND ngày 19/11/2025
								36.680.000	3.620.932	223.088.932		
A	<u>Bồi thường về đất</u>							36.680.000				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 14, tờ BĐ số 8	m ²	655,00		56.000			36.680.000				
	<u>Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 14, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 6, TĐĐ số 9, diện tích 655m².</u> <u>Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024;</u> <u>Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.</u>											
	<u>Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1)</u> <u>Hệ số điều chỉnh giá đất:</u> <u>Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026)</u> <u>Trong đó:</u> <u>Ktt = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026)</u> <u>Kqh = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026)</u> <u>Kyt = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026)</u> <u>Do đó, đơn giá bồi thường về đất:</u> <u>56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².</u>											

Handwritten signatures and initials in blue ink.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>										
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 655 m ² = 385,21 kg	kg	385,21		9.400				3.620.932		DG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	<u>Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024</u>										
	<u>Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị/V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa</u>										
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 655 m ² = 385,21 kg	kg	385,21			9.400			3.620.932		DG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	<u>(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</u>										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 52,92% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 10 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	khẩu	10,0								
-											
	<u>(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 52,92% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,</u>										
	<u>(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)</u>										
	<u>Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới</u>										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	655,0			280.000			183.400.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026
	<u>(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</u>										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 10\% = 5.600\text{đ}/\text{m}^2$	m ²	655,0			5.600				3.668.000		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
20	Hộ bà: Hoàng Thị Hộ, CCCD: 044145002909 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0905.882212			Làm tròn đến hàng nghìn				44.363.000	4.379.000	256.552.000	305.294.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
A	Bồi thường về đất							44.363.200	4.379.393	256.551.713		
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 23, tờ BĐ số 8	m ²	792,20	56.000				44.363.200				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 23, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 11, TĐĐ số 9, diện tích 789m ² . Phần diện tích đất tăng 3,2m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											

Se

W

ML

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trống cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qk} x K _{kytk} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qk} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{kytk} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
B	Bồi thường tài sản trên đất											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 792,2 m ² = 465,89 kg	kg	465,89		9.400				4.379.393			ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² x 500m ² theo Công văn số 416/TKT-NN/VH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	Các khoản hỗ trợ											
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 792,2 m ² = 465,89 kg	kg	465,89			9.400				4.379.393		ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	8,0									

m

TT	Họ và tên Danhs mvc bvi thuong, hvi trv	Đvt	Khvi luvng	Đvn gi (đvng)			Mvc hvi trv (%)	Thanh tinv (đvng)			Tng gi trv bvi thuong, hvi trv	Ghi chv
				Đt	Tai sn trn đt	Hvi trv		Đt	Tai sn trn đt	Hvi trv		
-	Hvi trv 6n đvnh đvng sng v sn xut khi Nhv nvc thv hvi đt chiem ty l 45,29% dienv tich đt nng nghiip đvng sử đvng tại đivm a, kvn 1, Đivn 11, Quyt đvnh 30/QĐ-UBND tinv Quang Trv. Cự th: 08 khau x 30 kg gao/tháng x 6 tháng x đvn gi gao	kg	1.440,0			18.000				25.920.000		
	(Tỷ l v thv hvi đt chiem 45,29% đt nng nghiip đvng sử đvng, đvng UBND phuvng Đvng Hvi xác nhn tại CV số 3458/UBND-KTHĐT ngày 24/6/2026,											
	(Cn cđ Đivn 19 Nghi đvnh số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chinv phv)											
	Gi gao cnc cđ phiv đivn tra bn l hng hva và đivc vự tiu đvng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thvng k v cơ sở Đvng Hvi											
-	Hvi trv đvng tvo ngh v tinv kiem vi v l m. Mvc hvi trv bng 5 l n gi đt đt nng nghiip cùng loi trongbng gi đt quy đvnh tại Nghi quyt số 12/2025/NĐ-HĐND của Hvi đvng nhn đn tinv Quang Trv và Quyt đvnh số 52/2026/QĐ-UBND quy đvnh h v số đvnh số 52/2026/QĐ-UBND quy đvnh đia bn đivn chinv gi đt n m 2026 trn đia bn tinv Quang Trv ngày 30/6/2026. Cự th: 56.000đ/m² x 5 l n = 280.000đ/m²	m²	792,2			280.000				221.816.000		UBND phuvng Đvng Hvi xác nhn tại Công v n số 3458/UBND-KTHĐT ngày 24/6/2026
	(Cn cđ kvn 1 Đivn 22 Nghi đvnh 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chinv phv và kvn 1 Đivn 13 Quyt đvnh số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026											
	của UBND tinv Quang Trv)											
-	Hvi trv 6n đvnh sn xut kinh đvng. Mvc hvi trv bng 10% gi đt cùng loi trong bng gi đt quy đvnh tại Nghi quyt số 12/2025/NĐ-HĐND của Hvi đvng nhn đn tinv Quang Trv và Quyt đvnh số 52/2026/QĐ-UBND quy đvnh h v số đivn chinv gi đt n m 2026 trn đia bn tinv Quang Trv ngày 30/6/2026. Cự th: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	792,2			5.600				4.436.320		
	(Cn cđ kvn 3, Đivn 20, Nghi đvnh 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chinv phv và đivm a, kvn 4 Đivn 11, Quyt đvnh số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tinv Quang Trv)											

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
21	Hộ: Bùi Văn Phụng, CCCD: 044065007913 - Hoàng Thị Ngải, CCCD: 044169001519 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bắc 1, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SDT:			Lâm trồn đến hàng nghìn				10.265.000	1.013.000	69.868.000	81.146.000	Thông báo số 4342/TB-UBND ngày 19/11//2025
								10.264.800	1.013.308	69.868.168		
<u>4</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>10.264.800</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 103-1, tờ BD số 8	m ²	183,30	56.000				10.264.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 103-1, TBPĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 87, TBPĐ số 9, diện tích 591m ² . Phần diện tích tăng 23,1m ² so với GCN là do sai số đo đạc giữa các lần đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTTDT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 183,3 m ² = 107,8 kg	kg	107,80		9.400					1.013.308		ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	<u>Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024</u>											
	<u>Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa</u>											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										69.868.168	
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 183,3 m ² = 107,8 kg	kg	107,80			9.400					1.013.308	ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	<u>(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</u>											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 21,94% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 5 tháng x đơn giá gạo	kg	900,0			18.000					16.200.000	
	<u>(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 21,94% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,</u>											
	<u>(Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/202 của UBND tỉnh Quảng Trị)</u>											

(Chữ ký và đóng dấu)

(Chữ ký)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
	Giá gao căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trongbảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²		m²	183,3		280.000			51.324.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²		m²	183,3		5.600			1.026.480		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Hỗ trợ làm thủ tục chính lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi		giấy	1,00		304.380			304.380		
	(Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	(Đơn giá căn cứ CV số 976/CNTPĐKĐĐ ngày 27/8/2026 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực VI)										



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
22	Họ: Hoàng Văn Dân (chết) - Trần Thị Hiền Lành, CCCD: 044173003089 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Trung cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0974.192056			Làm tròn đến hàng nghìn				37.419.000	3.694.000	220.452.000	261.565.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
A	<u>Bồi thường về đất</u>							37.419.200				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 83-1, tờ BĐ số 9	m ²	385,50	56.000				21.588.000				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 83-2, tờ BĐ số 9	m ²	282,70	56.000				15.831.200				
	Tổng diện tích thu hồi		668,20									
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 83-1 và 83-2, TĐĐ số 9: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 03/6/2008, thuộc thửa đất số 532, TĐĐ số 9, diện tích 636m². Phần diện tích đất tăng 32,2m² so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026. Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024 Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 668,2 m ² = 392,97 kg	kg	392,97		9.400				<u>3.693.903</u>			DG Sst 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² 500m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 668,2 m ² = 392,97 kg	kg	392,97			9.400				3.693.903		DG Sst 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	4,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 89,33% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 04 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	1.440,0			18.000				25.920.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 89,33% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/ND-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 5 \text{ lần} = 280.000\text{đ}/\text{m}^2$	m^2	668,2			280.000				187.096.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 10\% = 5.600\text{đ}/\text{m}^2$	m^2	668,2			5.600				3.741.920		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
23	Hô: Hoàng Thanh Bình, CCCD: 044053005139 - Bùi Thị Thiếp, CCCD: 044156003327 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Trung cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0989.853158											Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								4.301.000	425.000	35.648.000	40.374.000	

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>4.300.800</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 84-1, tờ BĐ số 9	m ²	76,80	56.000				4.300.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 84-1, TBD số 9: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 03/6/2008, thuộc thửa đất số 560, TBD số 10, diện tích 540m ² . diện tích tăng 0,1m ² so với GCN là do sai số đo đạc giữa các lần đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qk} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qk} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 76,8 m ² = 45,17 kg	kg	45,17		9.400				424.561			ĐG Slt 1, Mục A, PL, I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị Vn cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
											<u>35.648.131</u>	

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 76,8 m ² = 45,17 kg	kg	45,17			9.400				424.561		ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	8,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 4,73% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 08 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 3 tháng x đơn giá gạo	kg	720,0			18.000				12.960.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 4,73% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/202 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	76,8			280.000				21.504.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026											
	của UBND tỉnh Quảng Trị)											

ch

W

W

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	76,8			5.600				430.080		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,00			329.490				329.490		
	(Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	(Đơn giá căn cứ CV số 976/CNVPĐKĐD ngày 27/8/2026 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực VI)											
24	Họ: Hoàng Văn Thừa, CCCD: 044054004340 - Đoàn Thị Sen (chết) - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: số 9, ngõ 151 Nguyễn Văn Cù, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0932.418193			Làm tròn đến hàng nghìn		37.106.000	3.663.000	225.302.000	266.071.000		Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025	
4	Bồi thường về đất								37.105.600			
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 90, tờ BD số 8	m²	662,60	56.000					37.105.600			
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 90, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 80, TBD số 9, diện tích 580m². Phần diện tích đất tăng 82,6m² so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											



TT	Họ và tên Danhs mvc bồi thường, hõ trợ	Đvt	Khối lượng	Đon giá (đồng)			Mức hõ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hõ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hõ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hõ trợ		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội. Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											ĐG St 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 662,6 m ² = 389,68 kg	kg	389,68			9.400			3.662.946			
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa									225.301.506		
<u>C</u>	<u>Các khoản hõ trợ</u>											ĐG St 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
-	Hõ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 662,6 m ² = 389,68 kg	kg	389,68			9.400			3.662.946			
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hõ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	10,0									

(Handwritten signatures and initials in blue ink)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 62,64% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 10 khau x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	1.800,0			18.000				32.400.000	
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 62,64% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	662,6			280.000				185.528.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	662,6			5.600				3.710.560	
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
25	Hộ: Phạm Văn Lê (chết) - Phạm Thị Lan, CCCD: 044161000896 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Thượng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0824.945895			Làm tròn đến hàng nghìn				25.637.000	2.531.000	172.158.000	200.326.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
									25.636.800	2.530.782	172.158.462	
									25.636.800			
A	<u>Bồi thường về đất</u>											
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 91, tờ BĐ số 8	m ²	457,80	56.000				25.636.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 91, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 81, TĐĐ số 9, diện tích 420m2. Phần diện tích đất tăng 37,8m2 so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											





TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND. 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 457,8 m ² = 269,23 kg	kg	269,23		9.400				<u>2.530.782</u>			ĐG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 457,8 m ² = 269,23 kg	kg	269,23			9.400				<u>172.158.462</u>		ĐG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 100% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	2.160,0			18.000				38.880.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 100% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/ND-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	457,8			280.000				128.184.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026											
	của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	457,8			5.600				2.563.680		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
26	Họ: Bùi Xuân Diệp, CCCD: 044053005201 - Hoàng Thị Vinh, CCCD: 044158001593 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0858.713246			Làm tròn đến hàng nghìn				25.654.000	2.532.000	154.966.000	183.152.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								25.653.600	2.532.441	154.965.801		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>25.653.600</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 93, tờ BD số 8	m ²	458,10	56.000				25.653.600				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 93, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 83, TĐĐ số 9, diện tích 435m ² . Phần diện tích đất tăng 23,1m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qñ} x K _{yk} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qñ} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yk} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 458,1 m ² = 269,41 kg	kg	269,41		9.400				2.532.441			ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
											<u>154.965.801</u>	

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 458,1 m ² = 269,41kg	kg	269,41			9.400				2.532.441		ĐG Sù 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	8,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 22,67% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 08 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 5 tháng x đơn giá gạo	kg	1.200,0			18.000				21.600.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 22,67% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/202 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	458,1			280.000				128.268.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026											
	của UBND tỉnh Quảng Trị)											

(Handwritten signatures and initials in blue ink)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²		458,1 m ²			5.600				2.565.360	
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
27	Hộ: Bùi Hữu Bường, CCCD: 044059001476 - Phan Thị Hiền, CCCD: 044162001137 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0982.141390			Làm tròn đến hàng nghìn				40.202.000	3.969.000	273.801.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
<u>4</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>40.202.400</u>			
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 36, tờ BD số 8	m ²	717,90	56.000				40.202.400			
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 36, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 24, TĐĐ số 9, diện tích 717m ² . Phần diện tích đất tăng 0,9m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ			
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.												
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².												
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>									<u>3.968.652</u>			ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 717,9 m ² = 422,2 kg	kg	422,20			9.400				3.968.652			
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024												
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa												
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									<u>273.800.892</u>			ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 717,9 m ² = 422,2 kg	kg	422,20				9.400			3.968.652			
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	10,0										

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 89,45% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 10 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	3.600,0			18.000			64.800.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 89,45% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	717,9			280.000			201.012.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	717,9			5.600			4.020.240		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
28	Hộ: Hoàng Văn Lóp, CCCD: 044057000591 - Hoàng Thị Lơ, CCCD: 044158000566 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0945.504092			Lâm tròn đến hàng nghìn				44.850.000	4.427.000	285.005.000	334.282.000	Thông báo số 4542/TB- UBND ngày 19/11/2025
								44.850.400	4.427.487	285.004.527		
A	<u>Bồi thường về đất</u>							44.850.400				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 34, tờ BĐ số 8	m ²	800,90	56.000				44.850.400				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 34, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 33, TĐĐ số 9, diện tích 800m ² . Phần diện tích đất tăng 0,9m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

Handwritten signatures and initials in blue ink.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qk} x K_{yk} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qk} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yk} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².										
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>										
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 800,9 m ² = 471,01 kg	kg	471,01		9.400				4.427.487		ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024										
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa										
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 800,9 m ² = 471,01 kg	kg	471,01			9.400				4.427.487	ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	8,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 73,78% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 08 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	2.880,0			18.000				51.840.000	
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 73,78% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 5 \text{ lần} = 280.000\text{đ}/\text{m}^2$	m^2	800,9			280.000				224.252.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026											
	của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 10\% = 5.600\text{đ}/\text{m}^2$	m^2	800,9			5.600				4.485.040		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
29	Họ: Bùi Văn Khì, CCCD: 044054000374 - Hoàng Thị Mẫn, CCCD: 044156005571 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: số 2 Ngõ 175, Nguyễn Văn Cừ, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0342.969373			Làm tròn đến hàng nghìn				37.598.000	3.712.000	247.303.000	288.613.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>4</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>37.598.400</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 55, tờ BD số 8	m ²	671,40	56.000				37.598.400				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 55, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 51, TBD số 9, diện tích 620m ² . Phần diện tích đất tăng 51,4m ² so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị; thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hằng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 671,4 m ² = 394,85 kg	kg	394,85		9.400				3.711.593			ĐG St 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											

[Handwritten signature]

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									<u>247.303.433</u>		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 671,4 m ² = 394,85 kg	kg	394,85			9.400				3.711.593		ĐG Sit 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	8,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 91,21% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 08 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	2.880,0			18.000				51.840.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 91,21% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	671,4			280.000				187.992.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026											
	của UBND tỉnh Quảng Trị)											

(Handwritten signatures and initials in blue ink)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²		m²	671,4	5.600					3.759.840	
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
30	Họ: Bùi Bắc, CCCD: 044077009274 - Nguyễn Thị Hà, CCCD: 044179000348 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0796.52853			Làm tròn đến hàng nghìn				25.396.000	2.507.000	164.427.000	192.330.000
								25.396.000	2.507.011	164.426.611	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11//2025
4	<u>Bồi thường về đất</u>							25.396.000			
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 77, tờ BD số 8		m²	453,50	56.000			25.396.000			
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 77, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thửa thửa đất số 67, TĐĐ số 9, diện tích 411m². Phần diện tích đất tăng 42,5m² so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 453,5 m ² = 266,7 kg	kg	266,70		9.400					2.507.011		ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									<u>164.426.611</u>		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 453,5 m ² = 266,7 kg	kg	266,70		9.400					2.507.011		ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	5,0									

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 95,11% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 05 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	1.800,0			18.000			32.400.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 95,11% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	453,5			280.000			126.980.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	453,5			5.600			2.539.600		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										



TT	Họ và tên Danm mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
31	Họ: Hoàng Văn Phượng, CCCD: 044075012 - Trần Thị Xuân, CCCD: 044184004260 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: số 200 Nguyễn Văn Cừ, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0822.354395			Làm tròn đến hàng nghìn				39.273.000	3.877.000	230.088.000	273.238.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								39.272.800	3.876.885	230.088.165		
A	<u>Bồi thường về đất</u> Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 75, tờ BĐ số 8							39.272.800				
		m ²	701,30	56.000				39.272.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 75, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 65, TĐĐ số 9, diện tích 701m ² . Phần diện tích đất tăng 0,3m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											





TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qk} x K _{ylk} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qk} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{ylk} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 701,3 m ² = 412,43 kg	kg	412,43		9.400					3.876.885		ĐG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 701,3 m ² = 412,43 kg	kg	412,43			9.400				3.876.885		ĐG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	4,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 84,84% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 04 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	1.440,0			18.000				25.920.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 84,84% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											

TT	Họ và tên Danhs mvc bphi thuong, hoi tro	Dvt	Khoi luong	Don gia (dong)			Muc hoi tro (%)	Thanh tien (dong)			Tong gia tri bphi thuong, hoi tro	Ghi chu
				Dat	Tai san tren dat	Hoi tro		Dat	Tai san tren dat	Hoi tro		
-	Hoi tro dao tao nghe va tim kiem viec lam. Muc hoi tro bang 5 lan gia dat nong nghiep cung loai trong bang gia dat quy dinh tai Nghoi quyet so 12/2025/NB-HND cua Hoi dong nhan dan tinh Quang Tri va Quyet dinh so 52/2026/QĐ-UBND quy dinh he so dieu chinh gia dat nam 2026 tren dia ban tinh Quang Tri ngay 30/6/2026. Cu the: 56.000đ/m² x 5 lan = 280.000đ/m²	m²	701,3			280.000				196.364.000		UBND phuong Dong Hoi Xac nhan tai Cong van so 3458/UBND- KTHDT ngay 24/6/2026
	(Can cu khoan 1 Dieu 22 Nghi dinh 88/2024/NĐ-CP ngay 15/7/2024 cua Chinh phu va khoan 1 Dieu 13 Quyet dinh so 30/2026/QĐ-UBND ngay 12/3/2026											
	cua UBND tinh Quang Tri											
-	Hoi tro on dinh san xuat kinh doanh. Muc hoi tro bang 10% gia dat cung loai trong bang gia dat quy dinh tai Nghi quyet so 12/2025/NĐ-HND cua Hoi dong nhan dan tinh Quang Tri va Quyet dinh so 52/2026/QĐ-UBND quy dinh he so dieu chinh gia dat nam 2026 tren dia ban tinh Quang Tri ngay 30/6/2026. Cu the: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	701,3			5.600				3.927.280		
	(Can cu khoan 3, Dieu 20, Nghi dinh 88/2024/NĐ-CP ngay 15/7/2024 cua Chinh phu va diem a, khoan 4 Dieu 11, Quyet dinh so 30/2026/QĐ-UBND ngay 12/3/2026 cua UBND tinh Quang Tri)											
32	Hoi: Bui Huu Tuyen, CCCD: 044077005403 - Doan Thi Mui, CCCD: 044180004777 - Dia chi thuong tru: TDP Duc Ninh Dong, phuong Dong Hoi, tinh Quang Tri (TDP Diem Thuong cu) - Noi o hien nay: TDP Duc Ninh Dong, phuong Dong Hoi, tinh Quang Tri, - SDT: 0828.794728			Lam tron den hang nghin				14.000.000	1.382.000	98.702.000	114.084.000	Thong bao so 4542/TB- UBND ngay 19/11/2025
								14.000.000	1.382.035	98.702.035		

(Handwritten signatures and initials)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>14.000.000</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 74, tờ BD số 8	m ²	250,00	56.000				14.000.000				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 74, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 290, TBD số 9, diện tích 250m ² .											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qk} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qk} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>							<u>1.382.035</u>				
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 250 m ² = 147,03 kg	kg	147,03		9.400				1.382.035			ĐG Slt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5854 kg/m ² * 250 m ² = 147,03kg	kg	147,03			9.400				1.382.035		ĐG Slt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)		Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất		Hỗ trợ	Đất	Tài sản trên đất		
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	4,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 84,14% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 04 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	1.440,0			18.000				25.920.000	
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 84,14% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo cần cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	250,0			280.000				70.000.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	250,0			5.600				1.400.000	

TT	Họ và tên Dan mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
33	Hộ bà: Lê Thị Ánh Hồng (Theo thông báo là Nguyễn Thị Ánh Hồng), CCCD: 044160001752 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Thượng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - Nơi ở hiện nay: Số 149 Nguyễn Văn Cừ, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0362.978849			Làm tròn đến hàng nghìn				30.139.000	2.975.000	176.125.000	209.239.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								30.139.200	2.975.245	176.125.165		
4	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>30.139.200</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 98, tờ BD số 8	m ²	538,20	56.000				30.139.200				
Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 98, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 91, TBD số 9, diện tích 499m2. Phần diện tích đất tăng 39,2m2 so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.												
Dù điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024: Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.												

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .										
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>										
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 538,2 m ² = 316,52 kg	kg	316,52		9.400				2.975.245		ĐG Slt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024										
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa										
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									176.125.165	
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 538,2 m ² = 316,52 kg	kg	316,52			9.400			2.975.245		ĐG Slt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	3,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 84,63% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 03 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	1.080,0			18.000			19.440.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 84,63% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026, (Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	538,2			280.000				150.696.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	538,2			5.600				3.013.920		
(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
34	Hộ: Hoàng Văn Hoa, CCCD: 044054001361 - Trần Thị Nữ, CCCD: 044157007612 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0702.750856			Lâm tròn đến hàng nghìn				61.818.000	6.103.000	399.136.000	467.057.000	
								61.818.400	6.102.514	399.136.354		Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>61.818.400</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 100, tờ BĐ số 8	m ²	1.103,90	56.000				61.818.400				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 100, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 89, TĐĐ số 9, diện tích 1.051m². Phần diện tích đất tăng 52,9m² so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K_{tt} x K_{qh} x K_{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K_{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K_{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K_{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>6.102.514</u>			
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 1.103,9 m ² = 649,2 kg	kg	649,20		9.400				6.102.514			ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>								<u>399.136.354</u>		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 1.103,9 m ² = 649,2 kg	kg	649,20			9.400			6.102.514		BG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	12,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 80,9% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 12 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	4.320,0			18.000			77.760.000		
(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 80,9% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,											
(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	1.103,9			280.000			309.092.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026
(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026											
	của UBND tỉnh Quảng Trị)										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	1.103,9			5.600				6.181.840		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
35	Họ: Hoàng Quang Loại, CCCD: 044076003261 - Mai Thị Nguyệt, CCCD: 044181001305 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thượng cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0859.217669			Làm tròn đến hàng nghìn				20.513.000	2.025.000	132.560.000	155.098.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								20.512.800	2.024.958	132.560.238		
A	Bồi thường về đất							20.512.800				
		m²	366,30	56.000				20.512.800				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 258, tờ ĐĐ số 8											
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 258, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 122, TĐĐ số 9, diện tích 330m². Phần diện tích đất tăng 36,3m² so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											





TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{vyt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{vyt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>											
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 366,3m ² = 215,42 kg	kg	215,42		9.400				2.024.958			ĐG Sst 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>											
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 366,3 m ² = 215,42 kg	kg	215,42			9.400				2.024.958		ĐG Sst 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 3, Điều 15 QĐ số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	4,0									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 76,52% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 04 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	1.440,0			18.000				25.920.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 76,52% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026, (Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	366,3			280.000				102.564.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	366,3			5.600				2.051.280		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
36	Hộ: Bùi Hữu Nghĩa, CCCD: 044047000456 - Hộ Thị Lễ, CCCD: 046145000251 - Địa chỉ thường trú: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Thương cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Đức Ninh Đông, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SDT: 0986.242973			Làm tròn đến hàng nghìn				39.928.000	3.942.000	272.374.000	316.244.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11//2025
								39.928.000	3.941.564	272.374.364		
<u>4</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>39.928.000</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 135, tờ BD số 8	m ²	713,00	56.000				39.928.000				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 135, TBPĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 115, TBPĐ số 9, diện tích 691m ² . Phần diện tích đất tăng 22,0m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Dù điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị; thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>3.941.564</u>			
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 713m ² = 419,32 kg	kg	419,32		9.400				3.941.564			
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									<u>272.374.364</u>		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 713 m ² = 419,32 kg	kg	419,32			9.400				3.941.564		
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	10,0									
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 100% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 10 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	3.600,0			18.000				64.800.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 100% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất			Hỗ trợ
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trongbảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/ND-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	713,0			280.000			199.640.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026	
(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/ND-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/ND-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	713,0			5.600			3.992.800			
(Căn cứ khoản 3. Điều 20, Nghị định 88/2024/ND-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11. Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
37	Hộ: Bùi Ngọc Huyền- CCCD: 044055000534 - Hoàng Thị Thiên, CCCD: 044157000716 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0917.878285			Làm tròn đến hàng nghìn				29.568.000	2.919.000	192.596.000	225.083.000	
									29.568.000	2.918.858	192.595.658	



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>										
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 5, tờ BĐ số 8	m ²	528,00	56.000			29.568.000				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 5, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 1, TĐĐ số 9, diện tích 522m ² . Phân diện tích đất tăng 6,0m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.										
	Dù điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.										
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .										
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>							2.918.858			
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 528m ² = 309,09 kg	kg	310,52		9.400			2.918.858			ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024										
	Năng suất Lúa = 0,5854 kg/m ² = 259,3 kg/ 1 sào 500m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa										
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>								192.595.658		

(Chữ ký và đóng dấu)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5854 kg/m ² * 508 m ² = 310,52 kg	kg	310,52			9.400				2.918.858	ĐG Sơ 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 100% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	2.160,0			18.000				38.880.000	
(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 100% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	528,0			280.000				147.840.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026											
	của UBND tỉnh Quảng Trị)										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: $56.000đ/m^2 \times 10\% = 5.600đ/m^2$	m ²	528,0			5.600				2.956.800		
(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
38	Họ bà: Nguyễn Thị Quế, CCCD: 044160000761 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1) - Nơi ở hiện nay: số 292 Nguyễn Văn Cừ, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0914.059372			Làm tròn đến hàng nghìn				41.446.000	4.091.000	241.384.000	286.921.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
A	<u>Bồi thường về đất</u>							41.445.600	4.091.376	241.383.936		
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 7, tờ BĐ số 8	m ²	740,10	56.000				41.445.600				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 7, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 530, TĐĐ số 10, diện tích 739m ² . Phần diện tích đất tăng 1,1m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											

San

SV

SV

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị; thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.										
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trống cây hằng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .										
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>										
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 740,1m ² = 435,25 kg	kg	435,25		9.400				4.091.376		ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024										
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa										
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 740,1 m ² = 435,25 kg	kg	435,25			9.400			4.091.376		ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	8,0								

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 45,04% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 08 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	1.440,0			18.000				25.920.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 45,04% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	740,1			280.000				207.228.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	740,1			5.600				4.144.560		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											

(Chữ ký và dấu)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Hộ: Trần Đức Dược, CCCD: 044039001858 - Hoàng Thị Niép, CCCD: 044147005208 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc cũ) - Nơi ở hiện nay: Số 306 Nguyễn Văn Cừ, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SDT: 0915.132561			Làm tròn đến hàng nghìn				50.518.000	4.987.000	285.307.000	340.812.000	
								50.517.600	4.986.935	285.306.695		Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
4	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>50.517.600</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 10, tờ BD số 8	m ²	902,10	56.000				50.517.600				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 10, TBP số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 9, TBP số 9, diện tích 900m². Phần diện tích đất tăng 2,1m² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026. Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024. Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số $K = K_{tt} \times K_{qh} \times K_{yt} = 1,0 \times 1,0 \times 1,0 = 1,0$ (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: $K_{tt} = 1,0$ (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) $K_{qh} = 1,0$ (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) $K_{yt} = 1,0$ (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,0 = 56.000\text{đ}/\text{m}^2$.										
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>4.986.935</u>		
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 902,1m ² = 530,53 kg	kg	530,53		9.400				4.986.935		ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024										
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa								<u>285.306.695</u>		
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 902,1 m ² = 528,0 kg	kg	530,53			9.400			4.986.935		ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	7,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 62,74% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 07 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	1.260,0			18.000			22.680.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 62,74% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo cần cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										

(Chữ ký và dấu)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	902,1			280.000				252.588.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
	của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	902,1			5.600				5.051.760	
(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
40	Họ: Hoàng Văn Cang, CCCD: 044061005200 - Hoàng Thị Hòa, CCCD: 044061005200 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0944.742320			Làm tròn đến hàng nghìn			41.261.000	4.073.000	230.703.000	276.037.000	
								41.260.800	4.073.134	230.703.214	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>41.260.800</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 24, tờ BĐ số 8	m ²	736,80	56.000				41.260.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 24, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 26, TĐĐ số 9, diện tích 736m ² . Phân diện tích đất tăng 0,8m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>4.073.134</u>			
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881kg/m ² * 736,8m ² = 433,31 kg	kg	433,31			9.400			4.073.134			ĐG Slt 1, Mục A, PL IQĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											

(Handwritten signature and initials)

TT	Họ và tên Dan mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>										
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m² * 736,8 m² = 433,31 kg	kg	433,31			9.400				4.073.134	ĐG Sst 1, Mức A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	5,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 65,01% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 05 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	900,0			18.000				16.200.000	
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 65,01% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	736,8			280.000				206.304.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	của UBND tỉnh Quảng Trị)										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	736,8			5.600				4.126.080		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
41	Họ: Bùi Vinh Dự, CCCD: 044045000301 - Hoàng Thị Hoan, CCD: 044148000327 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT:			Làm tròn đến hàng nghìn				37.016.000	3.654.000	231.316.000	271.986.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								37.016.000	3.654.101	231.315.701		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>37.016.000</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 33, tờ BĐ số 8	m²	661,00	56.000				37.016.000				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 33, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 32, TĐĐ số 9, diện tích 644m². Phần diện tích đất tăng 17,0m² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											





TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Dù điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024: Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{kyt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{kyt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>3.654.101</u>			
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 661m ² = 388,73 kg	kg	388,73		9.400				3.654.101			ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									<u>231.315.701</u>		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 661 m ² = 388,73 kg	kg	388,73			9.400				3.654.101		ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 70,60% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	2.160,0			18.000				38.880.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 70,66% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thông kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	661,0			280.000				185.080.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026											
	của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	661,0			5.600				3.701.600		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											

Handwritten signatures and initials in blue ink.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
42	Hộ ông: Mai Văn Tò, CCCD: 044069000677 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0918.068574			Làm tròn đến hàng nghìn				47.230.000	4.662.000	310.337.000	362.229.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								47.230.400	4.662.433	310.337.473		
<u>4</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>47.230.400</u>				
-	Đất trồng lúa (LUU), thửa đất số 28, tờ BD số 8	m ²	843,40	56.000				47.230.400				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 28, TĐĐ số 8. Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 28, TĐĐ số 9, diện tích 843m ² . Phần diện tích đất tăng 0,4m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Dữ liệu kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024 ; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú		
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất			Hỗ trợ	
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .												
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>4.662.433</u>				ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 843,4m ² = 496,0 kg	kg	496,00		9.400				4.662.433				
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024												
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa												
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									<u>310.337.473</u>			
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 843,4 m ² = 496,0 kg	kg	496,00				9.400			4.662.433			ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)												
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	10,0										
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 89,45% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 10 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	3.600,0				18.000			64.800.000			
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 89,45% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,												
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)												
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới												

(Chữ ký và dấu)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Dvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	843,4			280.000				236.152.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
	của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	843,4			5.600				4.723.040	
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
43	Họ: Bùi Xuân Diệu, CCCD: 044048002037			Làm tròn đến hàng nghìn				40.639.000	4.012.000	230.712.000	275.363.000
	- Hoàng Thị Lạc, CCCD: 044150002665 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0944.185642							40.639.200	4.011.771	230.711.691	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>40.639.200</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 136, tờ BĐ số 8	m ²	725,70	56.000				40.639.200				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 136, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 129, TĐĐ số 9, diện tích 672m ² . Phần diện tích đất tăng 53,7m ² so với GCN được cấp là do hộ gia đình sử dụng để trồng lúa từ năm 2009 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 5 và Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; khoản 3 Điều 138 của Luật Đất đai 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>							<u>4.011.771</u>				
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 725,7m ² = 426,78 kg	kg	426,78	9.400				4.011.771				ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											

(Chữ ký và dấu)

TT	Họ và tên Dan mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>								<u>230.711.691</u>		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 725,7 m ² = 426,78 kg	kg	426,78			9.400			4.011.771		ĐG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0								
-	Hồ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 60,56% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	1.080,0			18.000			19.440.000		
(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 60,56% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026,											
(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	725,7			280.000			203.196.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026
(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	725,7			5.600				4.063.920		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
44	Hộ: Bùi Văn Tiến Dũng, CCCD: 044058006164 - Hoàng Thị Minh, CCCD: 044153002544 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0947.774296			Làm tròn đến hàng nghìn				29.400.000	2.902.000	204.682.000	236.984.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								29.400.000	2.902.274	204.682.274		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>29.400.000</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 61, tờ BĐ số 8	m ²	525,0	56.000				29.400.000				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 61, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thuộc thửa đất số 57, TĐĐ số 9, diện tích 525m ² .											

Handwritten signatures and initials in blue ink.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị; thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qk} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qk} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>2.902.274</u>			
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 525m ² = 307,34 kg	kg	308,75		9.400				2.902.274			ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									<u>204.682.274</u>		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 525 m ² = 308,75 kg	kg	308,75			9.400				2.902.274		ĐG St 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	8,0									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 74,63% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 08 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	2.880,0			18.000				51.840.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 74,63% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²	m²	525,0			280.000				147.000.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²	m²	525,0			5.600				2.940.000		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											

(Chữ ký)

(Chữ ký)

(Chữ ký)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
45	Hộ : Hoàng Thị Gái, CCCD: 044161001143 - Bùi Văn Thốn (chết) - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Bắc 1 cũ) - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SDT:			Làm tròn đến hàng nghìn				78.170.000	7.717.000	435.546.000	521.433.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								78.170.400	7.716.731	435.545.771		
4	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>78.170.400</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 63, tờ BD số 8	m ²	880,9	56.000				49.330.400				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 63, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thửa thửa đất số 59, TBD số 9, diện tích 876m ² . Phần diện tích đất tăng 4,9m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTDT ngày 24/6/2026.											
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 27-1, tờ BD số 8	m ²	328,4	56.000				18.390.400				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 27-2, tờ BD số 8	m ²	186,6	56.000				10.449.600				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 27-1 và 27-2, TBD số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 05/6/2008, thửa thửa đất số 564, TBD số 10, diện tích 515m ² .											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất		
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{yt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{yt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất đối với thửa 63, TĐĐ 8 và thửa 27-1, 27-2, TĐĐ 8: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .										
	Tổng diện tích thu hồi				1.395,9						
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								7.716.731		
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 1.395,9m ² = 817,16 kg	kg	820,93		9.400				7.716.731		ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024										
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa										
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									435.545.771	
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 1.395,9m ² = 820,93 kg	kg	820,93				9.400			7.716.731	ĐG Stt 1, Mục A, PL I QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	9,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 60,83% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 09 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 6 tháng x đơn giá gạo	kg	1.620,0				18.000			29.160.000	
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 60,83% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										

Handwritten signature

Handwritten signature

Handwritten signature

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất		
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 5 lần = 280.000đ/m²		m²	1.395,9		280.000				390.852.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m² x 10% = 5.600đ/m²		m²	1.395,9		5.600				7.817.040	
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
46	Hộ: Trần Văn Phường, CCCD: 044069002599 - Phan Thị Diễm, CCCD: 044171001224 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Bình, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (TDP Diêm Nam cũ) - Nơi ở hiện nay: Số 4 Phạm Tu, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0339.461182			Làm tròn đến hàng nghìn			25.497.000	2.517.000	190.871.000	218.885.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11//2025



TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>25.496.800</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 46, tờ BĐ số 8	m ²	455,3	56.000				25.496.800				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 46, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 26/5/2008, thuộc thửa đất số 44, TĐĐ số 9, diện tích 445m². Phần diện tích tăng 10,3m² so với GCN là do sai số đo đạc giữa các lần đo đặc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m² (giá đất trồng cây hàng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = Ktt x Kqh x Kyt = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: Ktt = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) Kqh = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) Kyt = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m² x 1,0 = 56.000đ/m².											
<u>B</u>	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>2.516.962</u>			
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 455,3m ² = 817,16 kg	kg	267,76	9.400					2.516.962			ĐG Sst 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									<u>190.870.642</u>		

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Mức hỗ trợ (%)	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 455,3m ² = 267,76 kg	kg	267,76			9.400				2.516.962	ĐG Sht 1, Mức A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 70,9% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	3.240,0			18.000				58.320.000	
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 70,9% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.										
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)										
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	455,3			280.000				127.484.000	UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: $56.000đ/m^2 \times 10\% = 5.600đ/m^2$	m ²	455,3			5.600				2.549.680		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
47	Hộ ông, bà: Cao Văn Thọ, CCCD: 044076005571 - Hoàng Thị Tuyết Nhung, CCCD: 044178001395 - Địa chỉ thường trú: TDP Diêm Thượng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - Nơi ở hiện nay: TDP Diêm Thượng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0941.398857			Làm tròn đến hàng nghìn				20.423.000	2.016.000	164.494.000	186.933.000	Thông báo số 4542/TB-UBND ngày 19/11/2025
								20.423.200	2.016.113	164.494.433		
<u>A</u>	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>20.423.200</u>				
-	Đất trồng lúa (LUC), thửa đất số 127, tờ BĐ số 8	m ²	364,7	56.000				20.423.200				
	Nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 127, TĐĐ số 8: Đất được UBND thành phố Đồng Hới cấp GCN ngày 20/6/2008, thuộc thửa đất số 104, TĐĐ số 9, diện tích 364m ² . Phần diện tích đất tăng 0,7m ² so với GCN được cấp là do sai số đo đạc giữa các lần đo được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026.											

(Handwritten signatures and initials in blue ink)

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Đủ điều kiện được bồi thường về đất và được bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 95 Luật Đất đai năm 2024; Giá đất bồi thường: được xác định theo Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị và được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 (hệ số K) quy định tại Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị, thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.											
	Đơn giá bồi thường về đất: theo Bảng giá đất tại Phụ lục I Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND: 56.000 đ/m ² (giá đất trồng cây hằng năm tại phường Đồng Hới, vị trí 1) Hệ số điều chỉnh giá đất: Hệ số K = K _{tt} x K _{qh} x K _{kyt} = 1,0 x 1,0 x 1,0 = 1,0 (Điều 3, Quyết định số 52/2026) Trong đó: K _{tt} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 4, Quyết định số 52/2026) K _{qh} = 1,0 (theo khoản 2, Điều 5, Quyết định số 52/2026) K _{kyt} = 1,0 (theo Điều 6, Quyết định số 52/2026) Do đó, đơn giá bồi thường về đất: 56.000đ/m ² x 1,0 = 56.000đ/m ² .											
B	<u>Bồi thường tài sản trên đất</u>								<u>2.016.113</u>			
-	Bồi thường 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 364,7m ² = 214,48 kg	kg	214,48		9.400				2.016.113			ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2024											
	Năng suất Lúa = 0,5881 kg/m ² theo Công văn số 416/TKT-NNXH ngày 13/5/2026 của Thống kê tỉnh Quảng Trị V/v cung cấp số liệu năng suất cây lúa											
C	<u>Các khoản hỗ trợ</u>									<u>164.494.433</u>		
-	Hỗ trợ 01 vụ lúa. Sản lượng lúa: 0,5881 kg/m ² * 364,7m ² = 214,48 kg	kg	214,48			9.400				2.016.113		ĐG Stt 1, Mục A, PL 1 QĐ số 12/2025
	(Căn cứ Khoản 4, Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	6,0									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 70,9% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng tại điểm a, khoản 1, Điều 11, Quyết định 30/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 06 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 12 tháng x đơn giá gạo	kg	3.240,0			18.000				58.320.000		
	(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 70,9% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại CV số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026,											
	(Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)											
	Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng kỳ 02 ngày 11/9/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới											
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 5 lần = 280.000đ/m ²	m ²	364,7			280.000				102.116.000		UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 3458/UBND-KTHTĐT ngày 24/6/2026
	(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2026. Cụ thể: 56.000đ/m ² x 10% = 5.600đ/m ²	m ²	364,7			5.600				2.042.320		
	(Căn cứ khoản 3, Điều 20, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)											

TT	Họ và tên Danhi mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Tổng cộng:							1.527.019.000	150.741.000	9.997.099.000	11.674.859.000	

Số tiền bằng chữ: (Mười một tỷ sáu trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm năm mươi chín ngàn đồng chẵn)./.

Đồng Hới, ngày 14 tháng 9 năm 2026

KT. TRƯỜNG BAN

PHÒNG TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Hương Giang